

# Mừng Người Phụ Nữ

Kim Cao K25/1

Làm y tá đã nhiều năm mà mỗi lần nhận tờ phân công của ngày mới, tôi vẫn không khỏi tò mò lo lắng về bệnh nhân của mình. Họ là ai? Khó tính hay dễ tính? Bệnh nặng hay nhẹ? Dẫn sao trên đường tới nhà thương làm việc, ngày nào tôi cũng cầu nguyện các thánh phù hộ cho bệnh nhân của tôi “tai qua nạn khỏi”, ít nhất là xong khỏi ca tôi làm. Nghĩ tới chuyện mỗi lần phải rút ống, cột hàm cho vào bao để gửi bệnh nhân về thiên đàng là “tiêu đời” tôi. Lời cầu của tôi cũng được nhận lời nên vài năm mới bị một bệnh nhân về trời trong ca làm của mình. Y như các tướng khoe mình không có số “sát quân” nhưng sát cộng. Tôi tay lành, tâm ngọt nên bệnh nhân cũng khoẻ nhanh, lành mau.

Lướt nhanh danh sách của bệnh nhân hôm đó, mắt tôi dừng lại ở cái tên nghe hay hay Luom White. Người phụ nữ có tên Việt Nam Lượm? Bà ở phòng cuối hành lang bệnh viện. Từ hành lang, tôi nghe văng vẳng tiếng ca Thanh Huyền từ phòng bà nghe như bài hát Lan và Điệp. Tôi tiến về phòng bà. Người đàn bà trạc tuổi 60 đang ngồi bó gối trên giường bệnh, mắt lim dim khẽ hát theo nhạc. Bà có nhan sắc khá tầm thường, nói cách khác là có vẻ quê mùa. Tôi lên tiếng:

- Hello Mrs. White, my name is Kim. I am your nurse today.

Không trả lời, tôi lại hỏi:

- Thưa bà, bà có phải người Việt Nam không ạ?

Người đàn bà bỏ ngay chân xuống giường dồn dập hỏi:

- Ôi giỏi giỏi, cô người Việt à? Làm ở đây lâu chưa? Vào chính ngạch chưa? Lương bao nhiêu?

Không đợi câu trả lời, bà vào đề một cách mạch lạc có đầu đuôi về gia phả ba đời của bà. Tôi lịch sự kiêu bà nhiều lần mà vẫn không ra được câu chuyện của bà. Gặp vài bệnh nhân như vậy chắc tôi phải khăn gói bị đuổi việc quá vì bê trễ công việc. Qua câu chuyện bà kể, ở Việt Nam bà đi làm thuê làm mướn, may thay “mấy thằng Mỹ” tới nước mình bà mới có việc làm và có chồng Mỹ. Đi lùi dần ra cửa, tôi chào bà và hứa trở lại. Bà không quên vói theo:

- Nhớ nhé, nhớ trở lại nhé. Ôi giỏi có người Việt ở đây quý hoá quá, quý quá nhé. Ôi giỏi!

Tôi trở lại phòng bà vì đến giờ chuyển thuốc. Từ ngoài cửa, tôi nghe tiếng đàn ông giọng Bắc trầm và dịu, không như ngôn ngữ của bà bệnh nhân:

- Mẹ thấy khá chưa để con tắm nắn cho mẹ thêm nhé.

Người đàn ông đứng quay lưng ra cửa nên không thấy tôi vào. Bàn tay người thanh niên xoa nắn vai và cổ bà một cách mềm mại nhẹ nhàng. Mùi dầu xanh tỏa khắp phòng. Bên góc phòng, một ông Mỹ tóc bạc bạch kim, dáng đẹp, cao với da trắng hồng. Ông gật đầu “Hello” khi tôi bước vào khiến người thanh niên quay lại. Tôi chung hứng như người mất trí nhớ. Người thanh niên trước mặt tôi là người Mỹ 100% . Người Mỹ nói tiếng Việt hay hơn cả tôi vì không pha chữ. Người Mỹ mang dòng máu Việt nhưng nhìn không giống lai Việt. Người thanh niên mang quân phục thẳng nếp lịch sự bảnh bao. Anh cúi thấp đầu:

- Chào cô ạ.

Tôi ngọng miệng ập úng ngạc nhiên vì chưa nghe quen tiếng Việt rành rõi phát ra từ người thanh niên ấy. Bà bệnh nhân nhanh nhẩu:

- Con tôi đây. Con trai tôi đây đang làm nhón trong quân đội đây. Lên những đội xếp cơ ấy.

Tôi không hiểu cấp bậc “đội xếp” nhưng tôi biết anh là sĩ quan cao cấp trong quân đội USA.

Như bệnh có sẵn mỗi lần gặp người Mỹ, tôi gọi chuyện với người thanh niên bằng tiếng Anh Câu chuyện trở nên thân thiện hơn khi biết người thanh niên ấy xuất thân từ West Point. Tôi không bỏ cơ hội, tôi khoe liền chồng tôi cũng xuất thân từ trường Võ Bị (The Vietnamese National Military Academy). Câu chuyện của chúng tôi lẫn tiếng cười dòn tan như bà con một nhà cho đến lúc...

- Này, nghe này. Lại nói tiếng Ảng Lê đây à. Khổ thân không chứ.

Người đàn ông ở góc phòng lên tiếng:

- Honey, honey, take it easy, take it easy.

Bà lườm ông mắt có đuôi:

- Easy với chả easy. Ông chồng này lúc nào cũng bảo thế. Góm... (lại lườm ông).

Người thanh niên vỗ vè:

- Dạ mẹ, không nói Ảng Lê nữa mẹ nhé. Con có mang cháo trong bình thủy, để con đút mẹ ăn nhé.

- Thế mới phải con ạ. Cái nhà thương này dọn đồ ăn nhạt nhẽo lắm.

Tôi chen vào:

- Dạ, vì bà bị tiêu đường nên bác sĩ mới cho ăn như thế đó.

- Ổi giờ, đường với chả đường. Tôi ăn mãi có chết đâu nào. Góm, vẽ chuyện...

Tôi gắn dây chuyền thuốc cho bà và nghe hai mẹ con nói chuyện:

- Này, mở nhạc cho mẹ. Bài Sầu Lẽ Bóng đây, hay lắm

Tiếng nhạc như than thở... *Lỡ yêu rồi, làm sao quên được em ơi... những đêm buồn tìm về dĩ vãng xa xôi...* Mắt bà lại lim dim, miệng lẩm bầm:



*CSVSQ Cao Văn Hải, Khóa 25 và phu nhân (chị Cao Kim) trong Đêm Dạ Tiệc, ngày 3 tháng 7 năm 2022 tại Little Saigon, California.*

- Này, hay lắm đây con ạ. Yêu là phải thế, phải nhớ phải đau.

- Dạ mẹ, yêu là phải thế mẹ nha.

Từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Người thanh niên biết cả tựa bài hát để mở cho bà.

Tôi được phân công chăm sóc bà ba ngày liền. Mỗi ngày tôi đều thấy chồng và con bà đến thăm. Ông ngồi yên ít nói chỉ trừ “honey, take it easy”. Cậu con trai thăm mẹ nhưng vẫn bận rộn trên chiếc laptop. Bà vẫn hay nhấn chuông gọi tôi đến “nói chuyện cho đỡ buồn“, cứ y như là đang ở khách sạn vậy mới chết tôi chứ. Thực ra, tôi cũng thích nghe bà kể chuyện:

- Sao con bà sanh ra và lớn lên ở đây mà nói tiếng Việt rành thế?

- Hửn! Để tôi nói cho nghe, hồi thằng nhỏ đi học mẫu giáo, bắt chước con hàng xóm nói Æng Lê với tôi, bị tôi đánh cho một trận nên thân. Người Việt phải nói tiếng Việt. Có thể mới nên người chứ, cô nghe phải không nào?

- Thế thì bà nói tiếng gì với chồng bà? Ông có hiểu tiếng Việt không?

- Rõ chán, cứ hỏi lời thôi. Không hiểu cũng phải hiểu. Không hiểu thì múa tay cũng hiểu ấy mà, khéo lo bò trắng răng.

Tôi ậm ừ cho qua chuyện chứ ngu gì mà phân bua với bà. Chồng con bà còn phải thua, đâu chỉ tôi. Bà lại tiếp:

- Cô chưa biết thì tôi nói cho biết luôn. Con trai tôi quen một con Mễ, con Mỹ, con méo gì đó. Nó mang về ra mắt mà chả biết lấy một câu tiếng Việt. Tôi bảo bỏ là phải bỏ, phải kiếm người Việt Nam mà lấy mới nên người. Thằng Joe (chồng bà) mà không có tôi thì ối giời, mấy con mẹ Mỹ nó chạy mất dép rồi. Minh người Việt lấy chồng phải ở suốt kiếp mới nên cô ạ. Nói đi thì cũng nói lại, tôi mà không có ông này thì mặt thâm mày thủng ở xó nào rồi. Nó tốt lắm, tốt lắm, hiền lắm. Bà chấp tay xá cá vài cái rồi nói:

- Phúc cho tôi. Phúc cho tôi.

Tôi có mặt trong phòng bà lúc chồng và con bà ra về. Bà dặn dò:

- Đây con, nhớ nấu bún xào cho nó ăn với nhá, (chồng bà) nó thích bún lắm đấy. Tội nghiệp nó. Lấy phải tôi là phải ăn bún chứ bơ gơ bơ giếc gì thì ra “mặc đa nờ” mà ăn, chứ tôi chả nấu.

Vài năm sau...

Tôi bước vào phòng bệnh nhân tên Lan Tran.

- Thừa bà, tôi tên Kim. Tôi là y tá của bà hôm nay.

Người bệnh nhường đôi mắt mỗi một nhìn tôi. Nhìn bà cũng biết lúc còn trẻ chắc bà rất đẹp.

- Cô là người Việt Nam?

- Dạ vâng, tôi là người Việt.

Tôi viết số phân của tôi lên bảng phòng bà và dặn:

- Tôi sẽ chăm sóc bà từ bây giờ cho đến ba giờ chiều. Xin bà cứ gọi cho tôi nếu cần bất cứ gì nhé.

-Vâng cô Kim, cảm ơn cô.

Thường thì người Việt nằm bệnh viện hay có thân nhân ở cạnh bên, nhưng tôi chẳng thấy ai thăm bà. Lúc cho thuốc, tôi bắt chuyện:

- Gia đình bà ở Sacramento hở?

- Vâng, có hai đứa lập gia đình ở đây. Đứa lớn ở tiểu bang khác. Chồng tôi mất hơn chục năm rồi. Con cái có gia đình hết nên tôi ở một mình.

Bà cũng kể về gia đình bà. Các con thành danh trên xứ người. Đứa là nha sĩ, dược sĩ... Bà nói

Cũng may mà các con của tôi qua Mỹ học hành công việc tốt đẹp. Cứ nhớ năm nào, chồng đi cải tạo chưa về, bốn mẹ con heo hút vùng kinh tế bữa đói bữa no. Con cái không được tới trường mà đau lòng cô ạ. Bố mẹ chúng thì hồi còn trẻ được sống sung túc trong nhung lụa, học trường Tây trường lớn mà bây con không có cơm ăn, không được cấp sách đến trường. Nghĩ mà tủi mà hận Việt Cộng lắm cô ạ.

Bà lách hơi rồi kể tiếp

- Chúng tôi qua đây diện HO. Chúng tôi làm đủ nghề để sống cho các con đến trường. Bây giờ chúng đủ lông cánh thì tôi yên tâm lắm.

Có tiếng điện thoại reo. Giọng bà như có hơi mạnh hơn,

vui hơn:

- Mẹ chả sao, con ạ. Ở đây có bác sĩ, y tá lo. Con đừng đến. Ở nhà lo cho các cháu để còn đi làm. Mẹ không sao thật đấy.

Tôi nghe bà nói mà mắt cay cay. Bà không khoẻ. Bà cô đơn nhưng vì con mà bà “nói dối”. Một bà mẹ suốt đời vì con vì gia đình, lúc bệnh hoạn cũng còn nghĩ đến con mà quên mình.

Một ngày kia... vài tháng sau đó.

- Ô, chào anh, thấy tên quen mà đâu ngờ là anh. Em là y tá chăm sóc anh hôm nay nhé

- Hay quá! Gặp thím ở đây. Chú có khoẻ không thím?

- Dạ khoẻ anh

Trong Hội Võ Bị, đàn em gọi đàn anh là niên trưởng và gọi đàn em là chú thím như anh em một nhà. Đương nhiên cùng khoá thì gọi mày tao dù tóc đã bạc, lưng đã còm khom. Người thiếu phụ ngồi yên trong góc phòng, thấy chị, tôi reo vui:

- A chị H, chị khoẻ không? Lâu lắm em không có dịp gặp chị.

Chị nhìn tôi cười nhưng nhìn như xa xăm:

- Ờ ờ, chị bán gạo để thăm nuôi anh. Máy thằng công an cứ rượt bắt mất vốn. Ờ thăm nuôi anh được mà, được mà.

Anh H nhìn tôi:

- Nhà tôi bị mất trí nhớ, thím ạ!

- Em xin lỗi anh, em không biết.

- Anh không nói cho ai biết. Thím ạ!

Chị nắm vai tôi với nụ cười thật hiền:

- Chị buôn bán giỏi lắm. Bán gạo để thăm nuôi anh.

Hình như trong trí nhớ nhỏ nhoi của chị chỉ có hình ảnh anh từ đây và chị phải thăm anh. Thương cho chị quá.

- Cô biết không? Chị giỏi lắm, vất vả lắm mới có tiền thăm

nuôi.

Chị trở lại ngồi trên chiếc ghế trong góc phòng, mắt nhìn xa xăm, nụ cười rất hiền. Chị liên miên kể chuyện, kể đi kể lại nhiều lần cũng chỉ chừng ấy.

- Phải giỏi mới buôn bán nuôi con thăm chồng. Công an nó ác lắm, nó lấy hết vốn. Việt cộng nó ác lắm, chị thăm anh được rồi, chị giỏi lắm.....

Mới không lâu, mỗi lần họp mặt Võ Bị, chị H mang đến những món ăn tự tay chị nấu thật ngon. Bây giờ chị không còn nhận ra người quen. Chỉ có một điều là “chị giỏi, chị thăm được anh rồi”.

Ở trong mỗi người phụ nữ đều mang thiên chức. Làm mẹ tất cả vì con, làm vợ tất cả vì chồng, vì gia đình. Họ vì chồng vì con mà quên mình. Con cái thành công là bao nhiêu nước mắt mồ hôi của ba mẹ. Cách này đúng? Cách khác hay hơn? Cho tới bây giờ, tôi vẫn không có câu trả lời đúng sai. Tôi biết một điều. Làm MẸ là một thiên chức. Gia đình chồng con là một thế giới riêng của các bà mẹ để họ thi thố thiên chức của mình theo cách riêng mỗi người. Những người vợ, người mẹ đáng được kính trọng. Chúc cho các nàng dâu Võ Bị luôn vui trong công việc làm VỢ và làm MẸ.





# *Từ Một Đêm Hạ Chí*

*Phạm Tín An Ninh*

Từ ngày về hưu, sang sống với mấy cô con gái ở Cali, nhưng mỗi năm cứ đến đầu mùa hè, vợ chồng tôi đều trở về Nauy thăm con cháu và mấy người bạn tù cùng vượt biển đến định cư ở xứ Bắc Âu này. Ba năm rồi, vì dịch Covid-19, nên mãi đến hè này, chúng tôi mới về lại được.

Tháng sáu, trời Nauy nắng đẹp. Ban ngày không nóng lắm, về đêm không khí càng se lạnh nhưng gần như không bao giờ tối, nửa đêm vẫn còn le lói ánh mặt trời. Nauy được gọi là “Vùng Đất Mặt Trời Lúc Nửa Đêm” hay xứ Bạch Dạ (Đêm Trắng). Đặc biệt vào tiết Hạ chí, ngày 23 tháng 6, có thể nói đó là một ngày không có ban đêm, mặt trời lặn lúc 12 giờ đêm và mọc lên lại lúc 2 giờ sáng, cũng là ngày dài nhất trong năm. Người Nauy gọi buổi tối đặc biệt này là Sankthans. Và theo tập tục, người ta thường kéo nhau ra ngoài trời đốt lửa, ăn uống múa hát cho đến 3, 4 giờ sáng.

Về lại đây đã hơn mười ngày rồi mà người tôi vẫn còn vật vờ, ngủ gà ngủ gật, vì qua một chuyến bay khá dài, múi giờ lại khác nhau đến chín tiếng đồng hồ, nên cứ nằm dài trên phòng khách xem các trận quần vợt và bóng tròn tranh giải Âu châu.

Bất ngờ tiếng chuông cửa reo. Một ông bạn già láng giềng

người bản xứ khá thân đến rủ tôi ra ngoài vui chơi cùng với gia đình anh và một số người bạn láng giềng khác. Anh ta vờ vai tôi đùa:

- Ông bỏ Nauy đi lâu quá rồi, giờ thì phải ra trình diện bà con. Hôm nay là Sankthans của Nauy đây. Nhiều người cứ tưởng ông quên luôn cái đất nước nhỏ bé đã từng cu rư mang gia đình ông rồi đây!



Định tìm cách từ chối, nhưng nghe anh ta nói đùa câu này, tôi thấy hơi chột dạ, hơn nữa cũng muốn gặp lại mấy người láng giềng tốt bụng dễ thương đã từng sống gần họ hơn mấy mươi năm, tôi vội khoác chiếc áo gió đi theo anh ta, mang theo một thùng bia Heineken và dúi vào tay anh ta một chai rượu đỏ của cậu con trai vừa mới biếu.

Trên một bãi cỏ khá lớn nằm ngay phía sau khu chung cư, bên một triền đồi, đã có đông người, chia thành nhiều nhóm già, trẻ với những lò nướng và các cây đàn guitar, bên ánh lửa bập bùng.

Mấy người láng giềng gặp tôi ai cũng mừng, bắt tay hỏi han đủ chuyện. Từ chuyện ông Donald Trump đến chuyện giá xăng dầu và cả chuyện sủng ông giết nhiều cháu học trò bên Mỹ. Có người còn nhắc cả chuyện người gốc Á bị kỳ thị và

hỏi tôi có từng bị dọa nạt, đánh lén bao giờ chưa. Điều này đã làm tôi có chút áy náy, bởi ở Nauy không hề có hiện tượng tội tệ ấy bao giờ.

Uống xong lon bia, người nóng lên, tôi đứng lên đi dạo một vòng sang các nhóm khác. Bất ngờ nghe có tiếng đàn dạo bài Hạ Trắng của Trịnh Công Sơn, điều khá lạ ở một nơi hầu hết là người bản xứ, nên tôi thử tìm đến đó. Một chàng thanh niên Nauy đang ngồi đánh đàn bên cạnh một cô gái Á châu. Tôi đoán ngay cô ta là người Việt. Bước lại gần hơn với chút tò mò, trong ánh lửa tôi nhận ra người quen, nhưng không phải cô gái Việt nam mà là chàng thanh niên Nauy, hơn nữa đó lại là một người đã từng có với tôi nhiều kỷ niệm khá đặc biệt, lý thú. Chờ tiếng đàn kết thúc, tôi vỗ tay đúng lúc anh ta cũng vừa nhận ra tôi. Anh đứng lên vồn vã bắt tay và giới thiệu tôi với cô gái:

- Đây là ông thầy của anh! Thầy dạy lịch sử chiến tranh Việt nam! Anh vừa nói vừa đùa.

Khi cô gái còn đang ngạc nhiên, chưa kịp chào tôi, anh ta cười khoe với tôi:

- Còn đây là bà chủ của tôi!

Sau đó anh đưa tay chỉ hai đứa con nhỏ đang nắm tay nối vòng tròn trong một đám con nít, phía trước, rồi hỏi:

- Tôi có nghe gia đình ông đã dọn sang Mỹ và cứ tưởng là ông ở luôn bên ấy rồi chứ.

Tôi cười:

- Không, làm sao mà chúng tôi có thể quên đất nước Nauy này được, nơi mà chúng tôi đã xem như là quê hương thứ hai của mình.

Anh ta siết tay tôi thật chặt.

Từ khá lâu rồi tôi mới có dịp gặp lại anh ta. Bởi chỉ sau ba năm đến định cư và ở trong khu chung cư này, gia đình tôi đã dọn đi nơi khác khi mua được ngôi nhà lớn hơn, đầy đủ chỗ ở

và sinh hoạt cho sáu đứa con. Mỗi khi tất cả các cháu đã đi học xa, chúng tôi mới trở lại nơi này, mua một căn chung cư nhỏ gần bên nhà cũ, vì vẫn còn lưu luyến với khá nhiều kỷ niệm của những ngày mới đến, và đặc biệt là một số bạn bè cùng những người láng giềng thân quen từ đạo ấy.

Thời gian còn ở trại tỵ nạn Bataan, Phi Luật Tân đúng một năm, tôi may mắn được học thêm một số giờ đặc biệt về ngôn ngữ Nauy để giúp làm phụ giảng và thông dịch cho các thầy cô giáo, nhờ vậy mà khi mới đến Nauy tôi đã có được một chút vốn liếng ngôn ngữ đặc biệt lạ lẫm này, tuy chưa thông thạo lắm. Cuối tháng 5/1985, ngày đầu đến định cư tôi được một nhóm phóng viên của đài truyền hình Nauy (NRK) đến đón ở phi trường và đưa về tận nhà phỏng vấn. Biết tôi từng là một người lính miền Nam nên họ hỏi khá nhiều về chiến tranh và những năm tháng bị tù đày. Nghe họ ví von mình như là những người anh hùng Nauy chiến đấu giữ nước, thời gian bị Đức Quốc Xã bắt cầm tù trong các trại khổ sai thời Đệ Nhị Thế Chiến mà tôi thấy ngượng ngùng, bởi vì dù gì mình cũng là người lính bại trận, không giữ được lời thề và cả giang sơn để giờ phải lưu lạc đến đây cùng với cả gia đình, và ít nhiều gì, với họ chúng tôi cũng là những cảnh tâm gửi.

Nhưng không ngờ chính chương trình phỏng vấn này đã đưa tôi đến một cái nghề bất đắc dĩ trong lúc tôi đang tạm làm thông dịch cho Phòng Xã Hội và chờ theo học một ngành chuyên môn để xin việc làm chính thức.

Tôi được bà Trưởng phòng Tỵ Nạn Thị Xã giới thiệu một cặp vợ chồng người Nauy. Ông chồng là thầy giáo một trường trung học tại địa phương và bà vợ là y tá. Ông bà xem chương trình phóng sự, theo dõi cuộc phỏng vấn trên đài truyền hình, và không hiểu từ đâu, nhận ra ở tôi có những tố chất nào đó để có thể kiềm hãm và làm thay đổi cái tính khí bất thường như một tâm bệnh của đứa con trai gần 15 tuổi của họ: hiếu động, nóng nảy, thích gây gỗ và bất cần, đôi lúc còn tự cao cầu vào người, gây thương tích cho chính mình.

Nghe họ nói, tôi phì cười. Tôi đâu phải là một nhà tâm lý học. Hơn nữa thuốc để chữa được bệnh tâm lý chính là ngôn ngữ, mà tiếng Nauy của tôi đang ở trong tình trạng ã ãng thì làm nên trò trống gì đây. Tôi mỉm cười, lắc đầu trước khi trình bày với họ những suy nghĩ ấy. Nhưng ông bà và cả bà Trưởng phòng Ty Nạn cứ khuyến khích, bảo tôi nên làm thử và hứa hẹn một khoảng thù lao khá hậu hĩnh trong khi mỗi tuần chỉ cần làm việc ba tiếng đồng hồ vào hai ngày cuối tuần. Họ tin là tôi sẽ giúp được, vì cậu con trai của họ cũng tỏ ra thích thú và đang tìm hiểu về tôi sau khi theo dõi cuộc phỏng vấn. Tôi ái ngại nhận lời, nhưng không dám hứa bất cứ điều gì, và cũng không nhận tiền thù lao. Xem như là dịp chỉ để tra dồi thêm ngôn ngữ Nauy.

Trước khi đến nhận việc, tôi hỏi kỹ ông bà hơn về những điều đặc biệt mà cậu con trai thường làm và sở thích của cậu ta. Ông bà cho biết cậu bé từng si tình một cô gái lớn hơn nhiều tuổi, là một sĩ quan trong quân đội hoàng gia Nauy, chị của một anh bạn học mà cậu ta bất ngờ gặp được trong một đêm Hạ Chí (Sankthans). Tất nhiên cậu ta không những bị cô gái từ chối mà còn thương hại, dạy dỗ vài bài học, vì đây chỉ là tình yêu mê muội theo kiểu “Aimez-vous Brahms”. Từ đó cậu ta thất tình bất mãn, rồi đổi hẳn tính nết: xa lánh bạn bè, ngoài giờ học chỉ đóng cửa ở trong phòng, thích làm anh hùng, mê xem phim chiến tranh, thích mặc quân phục, mang kiếm, huy chương và chơi các loại súng giả, bằng nhựa. Việc học hành cũng ngày một tẻ, chỉ mong đủ tuổi để tình nguyện vào lính.

Ngày đến nhận việc, để làm quen, tôi mang đến biếu cậu ta một bê-rê màu đỏ, giấy nịt “TAB” và cái bi đồng quân đội, tôi mua được trong một tiệm bán đồ cũ. Có lẽ đã được bố mẹ giới thiệu trước, nên khi thấy tôi cậu ta đứng nghiêm đưa tay lên chào theo kiểu nhà binh. Điều đầu tiên tôi khá ngạc nhiên vì với tuổi gần 15, nhưng cậu ta trông cao lớn như một thanh niên đã trưởng thành. Tôi thoáng thăm dò trước khi đưa tay lên chào lại và bắt tay cậu ta.

Ngược với ước đoán của tôi, cậu chẳng tỏ ra thích thú gì với mấy món quà tôi tặng. Xem lướt qua xong, cậu vất trên chiếc ghế bành, nhú mày:

- Mấy thứ này đã lỗi thời, của mấy ông lính già còn sót lại từ thời đệ nhị thế chiến!

Tôi cười:

- Trong quân đội, những người lính già, càng thâm niên càng được kính trọng, họ đã bao lần đứng giữa làn ranh sống, chết nên có nhiều can đảm và kinh nghiệm chiến trường, chứ nhiều chàng lính sữa như chính tôi lúc mới ra trường, thích ra vẻ oai phong nhưng khi nghe tiếng đạn bom nổ chung quanh thì xanh mặt bối rối chẳng biết phải làm gì!

Nói xong, tôi chờ đợi và đề phòng một phản ứng, nhưng bất ngờ cậu cúi xuống, hỏi:

- Nghe ông ở trong quân đội và đánh nhau tới mười năm, bị thương mấy lần rồi?

- Khoảng ba bốn lần, nhưng chỉ hai lần còn mang thương tích. Tôi vừa trả lời vừa vạch áo và ống quần chỉ cho cậu ta xem vết sẹo còn trên bụng và dưới ống chân.

Cậu ta chăm chú nhìn, đưa tay sờ trên từng vết sẹo, rồi đột ngột hỏi:

- Ngày đó chắc ông đánh giặc chì lăm, là một hero?

Tôi phì cười, lắc đầu, cố gắng tìm những từ ngữ đã học được và nói thật chậm để cậu ta có thể hiểu được:

- Không, tôi chỉ là một sĩ quan bộ binh rất bình thường. Những đồng đội đánh giặc giỏi của tôi thường là những hạ sĩ quan hoặc khinh binh, và đa phần họ đã tử trận hết rồi. Anh hùng thực sự là những người nằm xuống ở chiến trường. Còn sống như tôi thì không ai nhận mình là anh hùng, hơn nữa dù sao cuối cùng tôi cũng là người thuộc bên thua cuộc, cho dù có câu thành ngữ khá phổ biến, mà có lẽ ở nước nào cũng có: *“không thể đem chuyện thành bại mà luận anh hùng!”*

- Ngày ấy, ông đã chỉ dạy cho thuộc cấp của ông những điều gì, và ông suy nghĩ gì khi họ hy sinh?

- Không nhớ tôi đã hướng dẫn được những gì, nhưng chắc chắn là tôi đã học được ở họ sự trung thành, lòng can đảm và nhiều kinh nghiệm chiến trường. Đặc biệt với những đồng đội hy sinh, tôi không bao giờ quên được những ánh mắt của họ đã nhìn tôi trước khi trút hơi thở cuối cùng. Không biết họ muốn trăng trối, gởi gắm hay oán trách điều gì. Tôi thường dành phần để được vuốt mắt họ khi tình hình có thể, như muốn thay một lời tạ lỗi, ít nhất là đã không bảo vệ được họ. Và đến nay, với tôi, đó là một món nợ mà tôi luôn cảm thấy hổ thẹn vì không bao giờ còn trả được cho họ.

- Đơn vị ông chắc luôn chiến thắng và tạo nhiều chiến công?

- Đúng là chúng tôi đã chiến thắng hầu hết trên chiến trường, kể cả những trận chiến ác liệt nhất, nhưng rồi phải thua trận cuối cùng, khi bị đồng minh phản bội, chúng tôi không còn đủ đạn dược và điều kiện để phản công trong khi lực lượng địch lúc ấy gấp chúng tôi từ 5 đến 10 có khi 20 lần và với sự yểm trợ tối đa của khối Công sản. Vì vậy tôi mới có mặt ở đây hôm nay.

- Nhưng đọc trên báo chí, thấy hầu hết những tướng lãnh của ông đã bỏ chạy sang Mỹ trước ngày mất Sài Gòn?

- Đúng, có một số đã làm như vậy trong hoàn cảnh tuyệt vọng, và đa phần là những ông tướng không cầm quân, nhưng cũng rất nhiều tướng lãnh đã chiến đấu tới giờ phút cuối cùng để rồi 5 vị tuấn tiết cùng với nhiều sĩ quan và binh sĩ khác, và gần 40 tướng lãnh khác đã bị CS cầm tù cùng với chúng tôi, hơn 15, 18 năm. Cậu có biết điều này?

Có lẽ từng xem một vài phim chiến tranh Việt nam do Mỹ hay các nước Âu châu thân Cộng thực hiện, hoặc nghe ông thầy dạy sử nào đó lêu láo trong lớp, cậu ta tỏ ra hiểu biết:

- Tại các ông theo Mỹ, mà người dân Mỹ đâu có ủng hộ cuộc chiến tranh ở đó, vì đó là một cuộc xâm lăng, phi nghĩa.

Các ông thua là phải.

Tôi cười:

- Cậu cũng chịu khó theo dõi chiến tranh trên quê hương tôi đấy chứ. Thôi thì cứ tạm cho là như vậy đi. Chuyện này phức tạp lắm, hơn nữa tôi cũng chưa đủ ngôn ngữ để giải thích cho cậu bây giờ. Từ từ rồi chúng ta bàn luận tiếp. Tôi chỉ tạm xác nhận trước một điều, trong suốt cuộc chiến ấy, chúng tôi vẫn xem Mỹ là một đồng minh chiến đấu cho Tự Do, giúp chúng tôi bảo vệ miền Nam trước làn sóng xâm lăng của cộng sản, mặc dù không ưa cái cách đồng minh kẻ cả của họ. Riêng quân đội miền Nam chúng tôi chưa bao giờ đánh ra miền Bắc, chưa hề gây thương tích hay chết chóc cho bất cứ một người dân miền Bắc nào, ngược lại chúng tôi chỉ chống đỡ các lực lượng của CS Bắc Việt xâm nhập, tấn công miền Nam dưới sự hỗ trợ đặc lực của Nga, Tàu và khối CS, giết hại hàng vạn người dân và phá hủy biết bao nhiêu công trình xây dựng, kinh tế của chúng tôi. Như vậy, kẻ xâm lăng chắc chắn không phải chúng tôi!

Cậu ta gật gù, im lặng.

Đúng là cậu bé mê chuyện chiến tranh và thích làm người hùng, nhưng may mắn là không tôn thờ, sùng bái Hitler như một số thiếu niên Bắc Âu thời ấy. Những ngày làm việc của tôi sau đó cũng chỉ kể lại các trận đánh và những năm tháng tù ngục. Tôi tìm đưa cho cậu ta xem hình ảnh dã man trong Cải Cách Ruộng Đất, Tết Mậu Thân tại Huế, với các hố chôn người và đặc biệt là hai vợ chồng bác sĩ người Đức bị CS giết chết một cách dã man. Tôi cũng cho anh ta xem hình ảnh Đại Lộ Kinh Hoàng, chiến trường Quảng Trị và An Lộc để cậu ta thấy cái khủng khiếp của chiến tranh, tội ác của những người cộng sản và khả năng chiến đấu của người lính VNCH. Tôi kể chuyện Việt Cộng pháo kích đạn cối 82mm vào trường tiểu học Cai Lậy, tỉnh Định Tường, vào ngày 9 tháng 3 năm 1974, đúng lúc các em đang trong giờ ra chơi, giết chết 32 em học



sinh và 55 học sinh khác bị thương. Tôi cũng kể chuyện của chính tôi đã từng đối xử nhân đạo với những tù binh cộng sản bị đơn vị tôi bắt được như thế nào, khi cậu ta hỏi tôi về nhà tù Côn Đảo mà cậu đã đọc trên các báo thân cộng tại Thụy Điển tuyên truyền.

Có lần cậu ta thắc mắc, tại sao cộng sản miền Bắc Việt Nam gây chiến tranh và chết chóc như thế mà lại được ông Thủ tướng Olaf Palme của Thụy Điển hết lòng ủng hộ, ông từng tuyên bố, nếu bất cứ người lính Mỹ nào phản đối chiến tranh Việt Nam, đào ngũ khỏi quân đội, ông sẵn sàng nhận và trợ cấp cho sang sống ở Thụy Điển. Tôi cười, bảo là cộng sản rất giỏi tuyên truyền, nên đâu chỉ có ông Olaf Palme, mà còn nhiều người Âu châu khác, trong đó có Nauy, tin và ủng hộ. Thậm chí, ngay cả một số trí thức và thầy tu, linh mục ở miền Nam chúng tôi, cũng bị lừa gạt, say mê đi theo họ, để rồi sau này hầu hết đã hối hận, nhiều người quay lại chống chính quyền CS hoặc bỏ trốn ra khỏi nước.

Tôi cố giải thích:

- Cậu thấy có nước cộng sản nào mà người dân thực sự có tự do hạnh phúc không, có người dân Tây Đức nào trốn sang Đông Đức mà ngược lại đã có hàng triệu người Đông Đức đã tìm đủ cách để vượt thoát sang Tây Đức bất chấp cả cái chết và sự tra tấn tù đầy nếu chẳng may bị bắt?

Để cậu ta trầm ngâm vài giây, tôi nói tiếp:

- Tôi đoán chắc với cậu, là chỉ trong một thời gian không lâu nữa là bức tường Bá Linh bị chính người dân Đông Đức giật sập để chỉ có duy nhất một nước Đức không Cộng Sản.

Cậu ta vẫn không ngược lên, hỏi:

- Thế thì còn Liên Xô?

- Liên Bang Xô Viết, cái thành trì của chủ nghĩa Cộng sản này cũng đang có những dấu hiệu sụp đổ, chắc theo dõi tin tức cậu cũng biết.

Cậu ta nhếch môi cười rồi hỏi tôi có muốn dùng một ly cà phê. Tôi gật đầu cảm ơn. Khi mang ly cà phê và một đĩa bánh táo đến để trước mặt tôi, cậu vừa mời vừa hỏi bất chợt:

-Hơn mười năm tác chiến, chắc ông đã giết rất nhiều địch quân?

Đắn đo một vài giây, tôi ôn tồn:

-Chính tay tôi thì không, nhưng đơn vị do tôi chỉ huy thì tất nhiên là có, còn nhiều bao nhiêu thì không ai biết được. Nhưng điều này không hề làm cho tôi hãnh diện hay sung sướng gì đâu, mà trái lại, nhiều lúc còn là nỗi ám ảnh và đau xót, bởi vì họ cũng là những con người, hơn nữa lại là người cùng dòng giống với chúng tôi. Cái chết của họ cũng đau đớn như những cái chết của đồng đội dưới quyền tôi. Có thể còn xót xa hơn khi họ đã bị lợi dụng, lừa gạt từ một chủ trương hoang đường, ma mị nào đó. Nhưng cậu cũng nên hiểu rằng, điều đau lòng đó là do chiến tranh mà chúng tôi chỉ là những người muốn tự vệ, miền Nam chúng tôi chưa hề gây chiến.

Thấy cậu ta tỏ vẻ ngạc nhiên với một chút xúc động, tôi xuống giọng:

-Vì vậy, là một người từng trải qua chiến tranh, một cuộc chiến khốc liệt và đau xót nhất, tôi thành thật khuyên cậu đừng bao giờ mơ tưởng trở thành một người hùng chỉ để đi chém giết nhau. Cậu rất may mắn được lớn lên trong một đất nước thanh bình như Na uy để những thế hệ thanh niên như cậu không phải bị vướng vào nỗi ám ảnh như tôi. Theo tôi, cái chiến thắng vĩ đại đáng hãnh diện nhất của một quốc gia chính là họ không cần phải chiến thắng, không cần phải chém giết ai cả. Mấy vết thương mà cậu đã nhìn thấy trên người tôi đã thành sẹo tự lâu rồi nên không còn đau đớn gì, kể cả những năm tháng bị đày đọa trong ngục tù sau cuộc chiến. Đó không phải là những điều tôi cảm thấy bị thương tổn!

- Vậy thì điều gì làm ông bị tổn thương?

- Còn nhiều thứ khác, nhưng điều làm tôi ân hận và đau đớn

nhất chính là đất nước và dân tộc tôi ngày một bi thảm khôn cùng trong tay của những người chiến thắng, mà chính tôi có phần trách nhiệm.

Cậu ta trầm ngâm giây lát rồi đứng lên im lặng nắm tay tôi.

Không biết cậu ta có thay đổi được điều gì không, nhưng sau đó cậu trở thành bạn của mấy đứa con tôi, từ khi ba cháu lớn vào học chung trường với cậu và ông bố lại là thầy dạy môn quốc văn Nauy và tiếng Tây Ban Nha. Về sau này, khi chúng tôi dọn về nhà mới gần bờ sông Nitelva, có vài lần cậu ta xuống thăm, mang theo chiếc thuyền bằng cao su (loại bơm hơi), rủ mấy đứa con tôi cùng đi dạo, câu cá dọc trên sông.

Lần cuối cùng đến gặp tôi, khi nghe tôi nói ba cô con gái lớn đã sang Mỹ và Anh học, cậu ta khá bất ngờ, đứng thần thờ một lúc rồi chào tôi, cáo từ. Sau này, nghe các con nói lại, dường như cậu ta “phải lòng” cô con gái kế của tôi, nhưng cháu không để ý.

Từ đó, tôi không còn gặp cậu ta. Cho đến một ngày cuối tháng 8 năm 1991, cậu bất ngờ đến tìm tôi, mang biểu chúng tôi một thùng dầu tây, bảo là cách nay mấy hôm, khi theo dõi việc Liên Bang Xô Viết tan rã, cậu ta bỗng nhớ tới tôi, nên hôm nay đến gặp để nhắc là lời ước đoán ngày xưa của tôi đã đúng. Anh ta gật gù:

- Ông đúng là một người lính già và nhiều kinh nghiệm.

Tôi cười:

- Nhưng lại là một người lính bại trận trong oan nghiệt. Còn chuyện Liên Xô tan rã thì cả thế giới này ai cũng đoán trước được, chứ đâu phải riêng tôi!

Cậu ta lắc đầu cười, bảo sẽ nghiên cứu thêm về cuộc chiến Việt nam, và nhất định sẽ sang Việt Nam tìm hiểu về đất nước này cùng với hậu quả cuộc chiến mà tôi từng kể cho cậu ta nghe.

Cậu cũng cho biết là hiện đang theo học về ngành dầu khí

tại đại học Stavanger, một tỉnh cực nam Na Uy. Cha mẹ thì đã ly dị, ông cha trở về quê cũ ở cố đô Bergen và đã có người tình mới, bà mẹ cùng cô em gái vẫn còn ở chỗ cũ, thỉnh thoảng anh có về thăm.

Đêm nay, hơn 30 năm sau, bất ngờ gặp lại cậu, cũng trong một đêm Hạ chí Sankthans, khi cậu ta đã là một trung niên, còn tôi thì mái đầu bạc trắng. Gặp lại cậu, tôi cũng vui và xúc động. Đặc biệt thấy có chút gần gũi hơn khi biết cậu có vợ Việt Nam và đạo đàn thành thạo bài Hạ Trắng, cho dù từ khá lâu rồi tôi không còn thiện cảm với người sáng tác bài ca hay đó nữa.

Uống cạn thêm hai lon bia để mừng cho cuộc trùng phùng và cho cả mối lương duyên khá đặc biệt của vợ chồng cậu, tôi bắt tay từ giã sau khi nhận lời mời gặp lại hai ngày sau đó tại nhà mẹ cậu, trước khi vợ chồng trở về lại nhà ở thành phố Stavanger.

Bà mẹ vẫn còn nhớ tôi và đón tiếp khá niềm nở, hỏi thăm về đời sống của gia đình tôi và các con. Cậu kể cho tôi nghe thời gian hơn ba năm theo Statoil (công ty dầu hỏa Na Uy) sang làm việc ở Việt Nam, cậu có nhiều dịp đi đó đây để tìm hiểu về cuộc chiến Việt nam. Cậu may mắn làm quen với một cụ già, vốn là giáo sư đại học miền Nam, giờ phải giúp đưa cháu nội trong một sạp bán sách cũ và các loại quà lưu niệm, ở vỉa hè. Ông thông thạo cả Anh, Pháp ngữ, hiểu biết khá nhiều về tình hình trên thế giới và đặc biệt về cuộc chiến Việt nam. Ông bảo cậu, nếu thấy bất cứ người tàn tật nào lay lắt bên đường, thì đó có thể là một thương binh của miền Nam lúc trước, bị chế độ này kỳ thị, đuổi xô, ruồng rẫy. Và cũng nhờ ông mà cậu ta biết chút ít tiếng Việt.

Nghe theo lời ông, nên mỗi khi trông thấy một người tàn phế nào lê lét đi bán vé số hoặc ôm đàn ca hát để xin giúp đỡ từ lòng yêu thương của khách qua đường, cậu ta đều tìm đến hỏi thăm, biếu cho chút tiền, thực phẩm hay đồ dùng cần thiết. Một hôm, cậu gặp một người đàn ông già, chỉ còn một cánh

tay và một chân, chồng nặng phụ giúp cô con gái trong một quán cà phê nhỏ ở một vùng ngoại ô. Tuy già nhưng tướng tá còn phương phi, nói tiếng Anh khá thạo. Cậu ta làm quen và biết ông cũng là một sĩ quan miền Nam lúc trước, từng theo học một vài khóa tham mưu tại Hoa Kỳ, tính tình thẳng thắn nhưng rất lịch sự. Sau này cậu ta trở thành con rể của ông. Cô vợ mà tôi gặp trong buổi tối Hạ chí Sankthans hôm ấy, là con gái duy nhất của ông, khá ái, thông minh và hiếu học. Được chồng bảo lãnh sang Nauy một thời gian, cô đã lấy bằng Bioingeniør (xét nghiệm máu) và hiện làm việc trong một bệnh viện.

Qua nói chuyện, tôi biết thân phụ cô nguyên là một vị thiếu tá thuộc Sư Đoàn 5 BB, bị thương trong trận An Lộc. Mẹ đã mất khi cô vừa tròn hai tuổi. Sau khi sang định cư tại Nauy, cô đã làm hồ sơ bảo lãnh nhưng ông từ chối, chỉ muốn sống hết phần đời còn lại ở quê nhà. Ông cũng đã mất hơn ba năm trước.

Khi chia tay, cậu ta bắt tay rồi ôm lấy tôi:

- Tôi có được cô vợ Việt Nam và hạnh phúc như hôm nay là nhờ ông, nhờ tôi bắt gặp thấy ông trong cuộc phỏng vấn của đài NRK trong ngày ông và gia đình vừa mới đến định cư. Và may mắn, cũng nhờ có đêm Sankthans hôm rồi mà gặp lại nhau.

Tôi cười, đùa:

- Và cũng tại một đêm Sankthans nào đó ngày xưa, cô sĩ quan Hoàng Gia xinh đẹp trong bộ quân phục oai phong đã làm cậu say mê rồi thất tình, muốn đi lính để làm người hùng, lại chính là nguyên do đưa đẩy chúng ta quen biết đến hôm nay.



## Hoài Vọng

Nguyễn Sương Nga

*Tưởng nhớ đến Anh Nguyễn Dzuong Dzuong K24  
TVBQGVN, Đại Đội 2, Tiểu Đoàn 1 Quái Đểu TQLC, tử  
trận tháng 7 năm 1972 tại Triệu Phong - Quảng Trị.*

\* \* \*

Tôi ngược mắt nhìn thượng nguồn nước đổ  
Có chia đầu trăm nẻo cũng về khơi  
Nghe mệnh mông tiếng gió hát thành lời  
Bài “Tống Biệt” cho nỗi lòng viễn xứ.

Tôi ngược mắt nhìn mây trời thăm thẳm  
Nắng rất cao - và mây vẫn trôi xa  
Giữ giùm tôi lời nồng ấm thiết tha  
Về nơi chốn có những hình bóng cũ.

Tôi ngược mắt nhìn núi rừng xa tấp  
Lá vẫn xanh, núi hùng vĩ vượn cao  
Đời đổi thay tự những tháng năm nào  
Nhưng rừng núi vẫn bao đời còn đó.

Tôi ngược mắt kia...bđắt trời quê Mẹ!  
Dải giang sơn xinh đẹp biết dường bao

Đã mang đầy những vết tích thương đau  
Gây bởi bọn cuồng điên không tim óc.

Và

Trước mặt

Người Lính xưa yêu dấu...

Chốn sa trường vì nước đã hy sinh

Hồn anh giờ lìa cõi thế điều linh

Anh có biết

Tôi vẫn hoài thương nhớ!



*Tiểu Đoàn 1 Quái Đểu tại mặt trận Quảng Trị 1972.*